

Số: 32 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 11/CV-EBD 2023 ngày 15 tháng 3 năm 2023, các Văn bản số 128/CV-BIGC ngày 22 tháng 12 năm 2023, số 03/CV-EBD 2024 ngày 05 tháng 01 năm 2024 và số 12/CV-BIGC ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Quốc tế Big C Đồng Nai về việc giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Trung tâm thương mại Big C Đồng Nai" tại Số 833, xa lộ Hà Nội, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 160/TTr-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Quốc tế Big C Đồng Nai địa chỉ tại số 833, xa lộ Hà Nội, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường Trung tâm thương mại Big C Đồng Nai tại số 833, xa lộ Hà Nội, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm thương mại Big C Đồng Nai.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại số 833, xa lộ Hà Nội, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3600258976, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 10 năm 2019.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7682361702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 1996; chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 8 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 3600258976.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị với hệ thống cửa hàng, kho bảo quản, xưởng chế biến thực phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Phạm vi: Trung tâm thương mại Big C Đồng Nai có diện tích xây dựng là 51.031,8 m<sup>2</sup>.

- Công suất:

+ Kinh doanh các đồ dùng gia đình như: Gốm, sứ, thủy tinh, sách, văn phòng phẩm, điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, cặp, hàng gia, quần áo, hàng may mặc, giày dép, mỹ phẩm, đồ dùng cá nhân với khoảng 14.000 mặt hàng/tháng.

+ Kinh doanh thực phẩm: Rau, củ, quả, trái cây, hoa, gạo, thịt, hải sản, đường sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo với khoảng 10.000 mặt hàng/tháng.

Kinh doanh cho thuê các gian hàng.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Quốc tế Big C Đồng Nai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Big C Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 đến ngày 08 tháng 4 năm 2034).

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 526/QĐ.QLMT ngày 08 tháng 10 năm 1997 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH TMDV Quốc tế Big C Đồng Nai;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi





## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, khách đến tham quan mua sắm tại trung tâm thương mại.
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh siêu thị.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa thịt, cá của siêu thị.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình chế biến thực phẩm: gồm thực phẩm tươi sống; thức ăn nấu chín và sản xuất thịt nguội.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ rửa bát, đĩa thức ăn tại siêu thị và các gian hàng cho thuê.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Bà Lúa đoạn thuộc phường Long Bình Tân và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý đầu nối vào hố ga tập trung tọa độ X(m): 1206213; Y(m): 401627 (gần hố ga 116) và gần thửa đất số 57 tờ 8 bản đồ địa chính phường Long Bình Tân trên đường hiện hữu trong khu dân cư khu phố 1 phường Long Bình Tân.

- Tọa độ vị trí xả nước thải X(m): 1206213; Y(m): 401627  
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa:  $180 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$  và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A,  $K = 1,0$  về nước thải sinh hoạt.

Stt	Tên	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 đến 9	Không thuộc	Không thuộc



2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	29,7	đối tượng	đối tượng
3	COD	mg/l	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
7	Sunfua	mg/l	0,19		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
9	Tổng Nitơ	mg/l	19,8		
10	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,96		
11	Clo dư	mg/l	0,99		
12	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
13	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30		
14	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
15	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo p)	mg/l	6		
16	Tổng Coliforms	Vi khuẩn /100ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của siêu thị được thu gom từ 03 tuyến chảy về hố ga tập trung HGT1 sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 180 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý trước khi thải ra môi trường, cụ thể:

- Tuyến thu gom nước thải số 1: Nước thải phát sinh từ các khu vực nhà hàng KFC, Kichi Kichi, Pizza hurt, Gogi, gian hàng thuê bán quần áo, khu trò chơi, rạp chiếu phim, khu VNVC được thu gom bằng đường ống PVC với kích thước Ø300 chảy về bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sau bể tự hoại theo đường ống PVC với kích thước Ø300 dài 83m chảy về hố ga tập trung HGT 1.

- Tuyến thu gom nước thải số 2: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh khu vực văn phòng, tầng trệt, lầu 1, nhà bảo vệ chảy về bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sau bể tự hoại cùng với nước thải từ kho, nước rửa sàn, rửa thùng rác sinh hoạt theo đường ống PVC với kích thước Ø300 dài khoảng 54m chảy về hố ga tập trung HGT 1.

- Tuyến thoát nước số 3: Nước thải phát sinh từ khu vực tủ giữ lạnh, khu vực sơ chế đồ tươi sống, khu vực bếp, khu vực làm bánh theo đường ống PVC với kích thước Ø300 dài khoảng 34m chảy về hố ga tập trung HGT1.



Nước thải từ hố ga tập trung HGT1 được bơm theo đường ống PVC Ø300 dài khoảng 86 m chảy về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 180 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý. Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC Ø300 dài khoảng 27 m chảy ra hố ga đầu nổi nước thải tọa độ X(m): 1206213; Y(m): 401627 (gần hố ga 116) và gần Thửa đất số 57 Tờ 8 bản đồ địa chính phường Long Bình Tân trên đường hiện hữu trong khu dân cư khu phố 1 phường Long Bình Tân (vị trí đầu nổi đã được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa chấp thuận tại Văn bản số 20322/UBND-KTN ngày 20 tháng 12 năm 2023).

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố ga thu gom → bể thu gom → bể điều hòa 1 → bể thiếu khí 1A → bể thiếu khí 1B → bể hiếu khí → bể lắng → bể trung gian → bể lọc 1&2 → thiết bị khử trùng → hệ thống thoát nước của khu vực → suối Bà Lúa.

- Công suất thiết kế: 180 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được đưa về bể điều hòa (có thể tích khoảng 102,9m<sup>3</sup>) để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo khoản 4, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng và thay thế, khắc phục tránh nước thải chưa được xử lý thấm vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Có sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh.



## Phụ lục 2

### **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không phát sinh.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc, giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, các bể chứa nước thải và khu vực lưu giữ chất thải.







### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ \* CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

##### 1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng 1.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng 2.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng 3.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

##### 1.2. Nguồn phát sinh độ rung: Không phát sinh.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng 1. Tọa độ X (m) = 1206085; Y(m) = 401449).
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng 2. Tọa độ X (m) = 1206085; Y(m) = 401452).
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng 3. Tọa độ X (m) = 1206113; Y(m) = 401430).
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X (m) = 1206209; Y(m) = 401592).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn phát sinh được xử lý không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh theo đúng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chủ cơ sở bố trí máy phát điện riêng biệt trong phòng cách âm; máy được lắp đặt trên bệ cao su làm giảm rung, tiến hành che chắn để giảm ồn, trang bị họng tiêu âm cho miệng cấp, hút gió và họng tiêu âm cho máy phát điện.

- Chủ cơ sở bố trí máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải trong phòng kín, khu vực riêng biệt không có người tập trung.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32/GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	150
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	NH	40
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	50
4	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	KS	30
5	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	KS	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	20
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	NH	100
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>420</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các loại	18 01 05	360.000
2	Nhóm vải: Vải, sợi phế liệu,... không nhiễm thành phần nguy hại	-	120
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	18 01 06	600
4	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	18 01 09	60
5	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác như composite	18 01 11	3.600
6	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp khác với các loại trên	12 06 12	92.000
7	Dầu ăn thải	-	40



8	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	08 02 06	100
9	Hộp mực in	08 02 08	60
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>456.580</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	400
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	200
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>600</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa chứa chuyên dụng có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo riêng cho từng loại chất thải.

#### 2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 06 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Nền bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn, có xây gờ chống tràn và rãnh thu nước.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa tạm: 30 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Xây dựng bằng khung thép có mái che.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 660 lít.

#### 2.3.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn, có xây gờ chống tràn và rãnh thu nước.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, đề nghị Công ty không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.





## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$  và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A,  $K = 1,0$ ; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án và thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.